

**TỔNG CÔNG TY 36-CTCP
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 31/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin
Tổng công ty 36-CTCP
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH17 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty 36-CTCP;

Căn cứ Biên bản họp số 07/BB-HĐQT ngày 20/6/2022 của Hội đồng quản trị Tổng công ty 36-CTCP.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty 36-CTCP.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các cơ quan Tổng công ty, các đơn vị thành viên, Bộ phận công bố thông tin và những người liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị;
- Ủy ban kiểm toán;
- Ban Tổng giám đốc;
- Các Phòng, Ban TCT;
- Các đơn vị thành viên;
- Lưu BTK HĐQT; TCLĐ (QHCD).



Nguyễn Đăng Giáp

TỔNG CÔNG TY 36-CTCP



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/QĐ-HĐQT ngày 21/6/2022)

Hà Nội, tháng 6/2022

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Mục đích, ý nghĩa

Quy chế này tạo chuẩn mực, trình tự trong việc triển khai thực hiện nghiệp vụ công bố thông tin của Tổng công ty 36-CTCP (sau đây gọi tắt là Tổng công ty (TCT)) đảm bảo thực hiện một cách đồng bộ, chính xác, tuân thủ đúng trình tự, quy định của pháp luật cho các bộ phận liên quan trong TCT, nhà đầu tư, các đối tượng có liên quan.

Quy chế này cũng nhằm nâng cao hiệu quả làm việc giữa TCT và các nhà đầu tư khai thác và phát triển các mối quan hệ này nhằm phục vụ tốt nhất cho hoạt động của TCT trên thị trường chứng khoán.

Điều 2: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam theo các quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính và việc phối hợp quan hệ công tác giữa các Phòng, Ban, Bộ phận của Tổng công ty 36-CTCP trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng: Các đối tượng công bố thông tin chịu sự điều chỉnh của Quy chế này bao gồm:

- Bộ phận công bố thông tin: Ban Quan hệ cổ đông/ Phòng Tổ chức lao động Tổng công ty;
- Người thực hiện công bố thông tin;
- Người nội bộ của TCT và người có liên quan của người nội bộ;
- Cổ đông;
- Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

3. Quy chế này được áp dụng trong toàn Tổng công ty và có hiệu lực thi hành đối với Hội đồng quản trị (sau đây gọi tắt là HĐQT), Ban Tổng Giám đốc, các Phòng, Ban TCT, các Công ty con, Chi nhánh đơn vị và các cá nhân có liên quan.

Điều 3: Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “*Điều lệ*” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

2. “*Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin*” bao gồm:

a) Nhà đầu tư là người nội bộ của Tổng công ty và người có liên quan của người nội bộ.

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Tổng công ty.

c) Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Tổng công ty.

d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Tổng công ty.

3. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

4. “Người nội bộ của Tổng công ty” là:

a) Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT;

b) Ủy ban kiểm toán

c) Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng công ty.

d) Thư ký Tổng công ty, người phụ trách quản trị công ty.

e) Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin.

5. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây: (khoản 46 điều 4 Luật chứng khoán 2019)

a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;

b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. “SGDCK”: Là Sở Giao dịch chứng khoán, nơi cổ phiếu của Tổng công ty được đăng ký giao dịch hoặc niêm yết tập trung;

7. “VSDC”: Là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;

8. “UBCKNN” là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước.

Điều 4: Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo:

a) Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó cho UBCKNN, SGDCK;

b) Việc công bố thông tin cá nhân bao gồm Thẻ căn cước công dân, số Chứng minh thư nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, email, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng chỉ được thực hiện nếu chủ thẻ đồng ý;

2. Việc công bố thông tin phải được thực hiện đồng thời với việc báo cáo UBCKNN, SGDCK. Ngày nộp báo cáo công bố thông tin là ngày gửi tính theo dấu của bưu điện, ngày gửi fax, gửi thư điện tử (email), ngày công khai trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty hoặc là ngày ghi trên giấy biên nhận nộp báo cáo công bố thông tin.

Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không muốn công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản báo cáo về việc công bố thông tin bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản báo cáo không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công bố thông tin.

3. Tổng công ty phải có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố thông tin theo quy định:

a) Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin trong tối thiểu 05 năm.

4. Ngôn ngữ thông tin công bố là tiếng Việt.

Điều 5: Người thực hiện công bố thông tin

Người thực hiện công bố thông tin là 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền công bố thông tin theo quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan.

Điều 6: Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:


- ✓ Trang thông tin điện tử (website) và các ấn phẩm khác của Tổng công ty (nếu có);
- ✓ Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;
- ✓ Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của SGDCK;

- ✓ Trang thông tin điện tử của VSDC;
- ✓ Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.

2. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử, theo hướng dẫn của UBCKNN và SGDCK.

Điều 7: Tạm hoãn công bố thông tin

1. TCT được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. TCT phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật. 

CHƯƠNG II
CÁC LOẠI THÔNG TIN CẦN CÔNG BỐ

I. Công bố thông tin định kỳ

STT	Loại thông tin công bố	Hình thức	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu	Nội dung chi tiết	Bộ phận phụ trách cung cấp thông tin	Bộ phận phối hợp
1	BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có)	Văn bản Dữ liệu điện tử	- BCTC quý: trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc Quý. - BCTC quý đã được soát xét (nếu có): trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK		- BCTC quý: BCTC riêng, BCTC hợp nhất. - Nội dung báo cáo: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo KQHĐKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh BCTC theo quy định của pháp luật về kế toán. - Toàn văn BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của TCT trong trường hợp BCTC quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần. - Trường hợp TCT đã thực hiện công bố BCTC quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của BCTC quý thì không phải thực hiện công bố BCTC quý.	Phòng Tài chính - Kế toán	
2	BCTC bán niên đã được soát xét	Văn bản Dữ liệu điện tử	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN;		- BCTC bán niên: BCTC riêng, BCTC hợp nhất. - Nội dung báo cáo: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo KQHĐKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh BCTC	Phòng Tài chính - Kế toán	

STT	Loại thông tin công bố	Hình thức	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu	Nội dung chi tiết	Bộ phận phụ trách cung cấp thông tin	Bộ phận phối hợp
			quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính	SGDCK		theo quy định của pháp luật về kế toán. - BCTC Bán niên soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận bởi UBCKNN. - Toàn văn BCTC Bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của TCT trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.		
3	BCTC năm đã được kiểm toán	Văn bản Dữ liệu điện tử	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK		- BCTC năm: BCTC riêng, BCTC hợp nhất. - Nội dung báo cáo: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo KQHĐKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh BCTC theo quy định của pháp luật về kế toán. Thù lao của từng thành viên HĐQT, tiền lương của Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác phải được thể hiện thành mục riêng trên BCTC hàng năm đã được kiểm toán. - BCTC năm được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận bởi UBCKNN. - Công bố thông tin về BCTC Năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn	Phòng Tài chính - Kế toán	

STT	Loại thông tin công bố	Hình thức	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu	Nội dung chi tiết	Bộ phận phụ trách cung cấp thông tin	Bộ phận phối hợp
						bản giải trình của TCT trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC.		
<p>Lưu ý: Khi CBTT các BCTC nêu tại Mục 1, 2 và 3 nêu trên, TCT phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau trên cơ sở BCTC riêng và BCTC hợp nhất:</p> <p>a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;</p> <p>b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;</p> <p>c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.</p>								
4	Báo cáo thường niên	Văn bản (nếu có) Dữ liệu điện tử	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK	Phụ lục IV Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020	- Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán. - Báo cáo thường niên phải có nội dung thông tin về tình hình quản trị công ty.	Ban Quan hệ cổ đông	Tất cả các phòng, ban TCT
5	Báo cáo tình hình quản trị công ty	Văn bản Dữ liệu điện tử	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK	Phụ lục V Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020	- 1 bản báo cáo theo mẫu.	Ban Quan hệ cổ đông	Tất cả các phòng, ban TCT

STT	Loại thông tin công bố	Hình thức	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu	Nội dung chi tiết	Bộ phận phụ trách cung cấp thông tin	Bộ phận phối hợp
6	Đại hội đồng cổ đông thường niên	Văn bản (nếu có) Dữ liệu điện tử	CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK; VSDC		TCT công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHCĐ.	Ban Quan hệ cổ đông	
			CBTT về việc họp ĐHCĐ và tài liệu họp ĐHCĐ tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc ĐHCĐ (nếu Điều lệ TCT không quy định thời hạn dài hơn)	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK		- Công bố trên website TCT nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHCĐ thường niên: + Thông báo mời họp: tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số DN; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo này được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên website TCT; + Giấy ủy quyền tham dự cuộc họp; + Chương trình họp; + Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết; + Tài liệu sử dụng trong cuộc họp: các báo cáo, tờ trình trình ĐHCĐ phê	Ban Quan hệ cổ đông	Tất cả các phòng, ban TCT

STT	Loại thông tin công bố	Hình thức	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu	Nội dung chi tiết	Bộ phận phụ trách cung cấp thông tin	Bộ phận phối hợp
						<p>duyet.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có). - Nếu xác định được trước ứng cử viên HĐQT, thông tin liên quan đến các ứng cử viên phải được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên website TCT, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của TCT nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh, trình độ chuyên môn, quá trình công tác, các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác), lợi ích có liên quan đến TCT và các bên có liên quan của TCT, các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ TCT. - Tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. - Nếu không tổ chức thành công cuộc 	Tất cả các phòng, ban TCT	

STT	Loại thông tin công bố	Hình thức	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu	Nội dung chi tiết	Bộ phận phụ trách cung cấp thông tin	Bộ phận phối hợp
						<p>họp lần 1, TCT công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp tiếp, duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp cho tới khi tổ chức thành công. Thời điểm tổ chức cuộc họp tiếp thực hiện theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.</p> <p>- Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ (bao gồm Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Biên bản họp hoặc Biên bản kiểm phiếu (nếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p>		
			CBTT về biên bản họp, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên trong vòng 24 giờ kể từ khi ban hành Nghị quyết, biên bản họp	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGĐCK		Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và bộ tài liệu kèm theo trong Biên bản, Nghị quyết. Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, TCT phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	Ban Quan hệ cổ đông	
7	Thông tin về công ty đại chúng	Văn bản Dữ liệu điện tử	- Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày UBCKNN xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng. - Chỉ thực hiện 1 lần duy nhất.	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGĐCK		- Thông tin về công ty đại chúng bao gồm thông tin tóm tắt về mô hình tổ chức bộ máy, hoạt động kinh doanh, bộ máy quản lý, cơ cấu cổ đông, tài sản, tình hình tài chính và các thông tin khác.	Ban Quan hệ cổ đông	

Trách nhiệm bảo quản, lưu giữ các thông tin đã công bố định kỳ:

- Các thông tin công bố định kỳ lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm;
- Các thông tin này lưu giữ trên website TCT tối thiểu 05 năm.

II. Công bố thông tin bất thường

STT	Loại thông tin công bố	Phương tiện CBTT	Mẫu	Ghi chú	Bộ phận phụ trách cung cấp thông tin
A	CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG TRONG THỜI HẠN 24 GIỜ (kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây, không phụ thuộc ngày làm việc hay ngày nghỉ)				
1	CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐHĐCĐ/ HĐQT				
1.1	Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK			Ban Quan hệ cổ đông
1.2	ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, TCT công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải cổ đông lớn Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.				Ban Quan hệ cổ đông
1.3	- Quyết định mua lại cổ phiếu của TCT hoặc bán cổ phiếu quỹ; - Ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm				Ban thư ký, Ban Quan hệ cổ đông.

STT	Loại thông tin công bố	Phương tiện CBTT	Mẫu	Ghi chú	Bộ phận phụ trách cung cấp thông tin
	<p>theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán; - Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi; 				Phòng Tài chính - Kế toán
1.4	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; - Quyết định tách, gộp cổ phiếu. 				Ban QHCD, Phòng Tài chính - Kế toán
1.5	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định tổ chức lại TCT (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản TCT; - Thay đổi mã số thuế, thay đổi tên TCT, con dấu của TCT; - Thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; - Ban hành mới, sửa đổi, bổ sung Điều lệ TCT, Quy chế quản trị công ty; - Ban hành mới, sửa đổi Quy chế công bố thông tin; - Ban hành mới, sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT; - Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của TCT. 				<ul style="list-style-type: none"> - Ban thư ký, Phòng Tổ chức lao động - Phòng Pháp chế - Ban QHCD - Ban thư ký - Phòng Kế hoạch, phòng Tài chính
1.6	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); 				Phòng Tài chính

STT	Loại thông tin công bố	Phương tiện CBTT	Mẫu	Ghi chú	Bộ phận phụ trách cung cấp thông tin
	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo DN kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi DN kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); - Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký. 				
1.7	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết; - Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ); - Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); - Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất; - Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ. 				Ban thư ký và các phòng ban đề xuất nội dung này
1.8	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng				Ban thư ký, Ban QHCD và các

STT	Loại thông tin công bố	Phương tiện CBTT	Mẫu	Ghi chú	Bộ phận phụ trách cung cấp thông tin
					phòng ban, đơn vị đề xuất nội dung này
1.9	Đối với các sự kiện phải có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền, TCT thực hiện CBTT kể từ khi ban hành Nghị quyết/ Quyết định và khi TCT nhận được văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.				
1.10	Thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động TCT theo Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020				Ban thư ký, phòng TCLĐ
2	KHI CÓ SỰ THAY ĐỔI SỔ CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT				
2.1	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; - Tổng công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ; - Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. 		Phụ lục V Quy chế ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của SGDCK Việt Nam		Ban thư ký, Phòng Tài chính, Ban QHCD
3	KHI CÓ BIẾN ĐỘNG VỀ NHÂN SỰ CHỦ CHỐT VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN SỰ CHỦ CHỐT				

STT	Loại thông tin công bố	Phương tiện CBTT	Mẫu	Ghi chú	Bộ phận phụ trách cung cấp thông tin
3.1	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới.		Phụ lục III Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020		Ban thư ký, Ban QHCD
3.2	Trường hợp phát sinh thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan đã cung cấp theo Phụ lục III Thông tư số 96/2020/TT-BTC, TCT báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán nơi có nghĩa vụ công bố thông tin theo mẫu quy định		Phụ lục II Quy chế ban hành theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của SGDCK Việt Nam		Ban QHCD
4	THAY ĐỔI QUAN TRỌNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
4.1	- Tài khoản của TCT tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp trên; - Khi nhận được quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.				Phòng Tài chính
4.2	- Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc				Phòng

STT	Loại thông tin công bố	Phương tiện CBTT	Mẫu	Ghi chú	Bộ phận phụ trách cung cấp thông tin
	<p>khi TCT có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;</p> <p>- Khi nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;</p>				TCLĐ, phòng Pháp chế
4.3	<p>- Khi nhận được quyết định khởi tố đối với TCT, người nội bộ của TCT, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của TCT;</p> <p>- Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty.</p>				Phòng pháp chế
4.4	<p>- Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;</p> <p>- Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;</p> <p>- Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.</p>				Ban QHCD
5	<p>CBTT LIÊN QUAN ĐẾN NGÀY ĐĂNG KÝ CUỐI CÙNG THỰC HIỆN QUYỀN CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU</p>				
5.1	<p>- Nghị quyết/ Quyết định về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến;</p> <p>- Nghị quyết/ Quyết định về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện</p>	<p>Website TCT</p> <p>Phương tiện CBTT của</p>			Ban thư ký, Ban QHCD

STT	Loại thông tin công bố	Phương tiện CBTT	Mẫu	Ghi chú	Bộ phận phụ trách cung cấp thông tin
	quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến;	UBCKNN; SGDCK			
5.2	Thông báo của TCT về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền theo mẫu quy định của VSDC	Website TCT VSDC Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK	Mẫu 07/THQ Quy chế ban hành theo Quyết định số 109/QĐ- VSD ngày 20/8/2021		Ban QHCD
6	CBTT LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN				
	CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố của TCT	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK		Mục I.2 và I.3	Phòng Tài chính
B	CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG TRONG THỜI HẠN 10 NGÀY				
1	CBTT về việc họp ĐHĐCĐ bất thường và tài liệu họp tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ bất thường	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK		Tương tự như ĐHĐCĐ thường niên mục I.6	Ban QHCD, tất cả các phòng, ban TCT
2	Nếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản, TCT công bố trên website TCT, gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết	UBCKNN; SGDCK			Ban QHCD

STT	Loại thông tin công bố	Phương tiện CBTT	Mẫu	Ghi chú	Bộ phận phụ trách cung cấp thông tin
	DHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.				
3	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, TCT công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.				Phòng Tài chính, ban QHCD
4	TCT mua lại cổ phiếu của cán bộ công nhân viên theo chương trình ESOP hoặc mua lại cổ phiếu lẻ lẻ theo yêu cầu của cổ đông			Trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT	Ban QHCD

Trách nhiệm bảo quản, lưu giữ các thông tin đã công bố bất thường: lưu giữ trên website TCT tối thiểu 05 năm.

III. Công bố thông tin theo yêu cầu (trong thời hạn 24 giờ)

STT	Loại thông tin công bố	Phương tiện CBTT	Ghi chú	Bộ phận phụ trách
1	Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	Website TCT Phương tiện của UBCKNN; SGDC	Nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDC yêu cầu công bố, nguyên nhân và đánh giá của TCT về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có)	Ban QHCD và phòng, ban liên quan
2	Có thông tin liên quan đến TCT ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó			
3	Khi giá cổ phiếu tăng trần hoặc giảm sàn từ 05 (năm) phiên liên tiếp			

Trách nhiệm bảo quản, lưu giữ các thông tin đã công bố theo yêu cầu: lưu giữ trên website TCT tối thiểu 05 năm.

IV. Công bố thông tin về các hoạt động khác

STT	Loại thông tin công bố	Hình thức	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu	Nội dung chi tiết	Bộ phận phụ trách
1	Về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn						Ban QHCD
1.1	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ	Văn bản Dữ liệu điện tử	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK		<ul style="list-style-type: none"> - TCT gửi cho UBCKNN (1) Báo cáo kết quả chào bán chứng khoán, (2) Xác nhận của ngân hàng TCT mở tài khoản phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán; - CBTT kết quả đợt chào bán; - Không quảng cáo việc chào bán trên các phương tiện thông tin đại chúng. CBTT không chứa nội dung có tính chất quảng cáo hoặc mời chào mua cổ phiếu. 	
1.2	Chào bán chứng khoán ra công chúng	Văn bản Dữ liệu điện tử	<p>Trong 07 ngày làm việc từ ngày giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực</p> <p>Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán</p>	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK		<ul style="list-style-type: none"> - Công bố Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp; - Công bố Bản thông báo và Bản cáo bạch chính thức; - TCT gửi cho UBCKNN (1) Báo cáo kết quả chào bán chứng khoán, (2) Xác nhận của ngân hàng TCT mở tài khoản phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán (ngoại trừ trường hợp chào bán cổ phiếu để hoán đổi) và CBTT về kết quả đợt chào bán. 	

STT	Loại thông tin công bố	Hình thức	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu	Nội dung chi tiết	Bộ phận phụ trách
1.3	Phát hành cổ phiếu để hoán đổi (trừ trường hợp phát hành cổ phiếu để chào mua công khai quy định tại Điều 53 Nghị định 155/2020/NĐ-CP)	Văn bản Dữ liệu điện tử	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK		- TCT gửi Báo cáo kết quả đợt phát hành cho UBCKNN. Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng hợp nhất phải kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty hợp nhất; - CBTT về kết quả đợt phát hành.	
1.4	Phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi	Văn bản Dữ liệu điện tử	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK		- TCT gửi Báo cáo kết quả đợt phát hành cho UBCKNN; - CBTT về kết quả đợt phát hành.	
1.5	Phát hành cổ phiếu để thực hiện quyền của chứng quyền	Văn bản Dữ liệu điện tử	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK		- TCT gửi Báo cáo kết quả đợt phát hành kèm theo xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi TCT mở tài khoản phong tỏa số tiền thu được từ đợt phát hành cho UBCKNN; - CBTT kết quả đợt phát hành.	
1.6	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho	Văn bản Dữ liệu điện tử	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành đến ít nhất 07 ngày làm	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK		- CBTT Bản thông báo phát hành; - TCT gửi Báo cáo kết quả đợt phát hành cho UBCKNN. Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, tài liệu báo cáo kết quả đợt phát hành kèm theo:	

STT	Loại thông tin công bố	Hình thức	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu	Nội dung chi tiết	Bộ phận phụ trách
	người lao động		việc trước ngày kết thúc đợt phát hành Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành			+ Danh sách người lao động tham gia chương trình trong đó nêu cụ thể về số lượng cổ phiếu của từng người lao động đã nộp tiền mua hoặc được phân phối (đối với trường hợp phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động); + Văn bản xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt phát hành, trừ trường hợp phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động; - CBTT về kết quả đợt phát hành.	
1.7	Chào bán cổ phiếu ra nước ngoài	Văn bản Dữ liệu điện tử	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK		- TCT gửi cho UBCKNN (1) Báo cáo kết quả chào bán chứng khoán, (2) Xác nhận của ngân hàng TCT mở tài khoản phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán (ngoại trừ trường hợp chào bán cổ phiếu để hoán đổi); - CBTT kết quả đợt chào bán.	
1.8	Phát hành cổ phiếu mới làm cơ sở cho chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài và đăng ký hỗ trợ phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài trên cơ sở số cổ phiếu	Văn bản Dữ liệu điện tử	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát hành hoặc có văn bản chấp thuận Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK		- CBTT về việc được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát hành hoặc được chấp thuận; - TCT gửi cho UBCKNN (1) Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu làm cơ sở cho chào bán chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài, (2) Xác nhận của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nơi TCT mở tài khoản phong tỏa về số	

STT	Loại thông tin công bố	Hình thức	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu	Nội dung chi tiết	Bộ phận phụ trách
	đang lưu hành tại Việt Nam		kết thúc đợt phát hành chứng chỉ lưu ký trên cơ sở số cổ phiếu mới phát hành			tiền thu được từ đợt phát hành và (3) văn bản xác nhận của tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký về kết quả đợt chào bán chứng chỉ lưu ký; - CBTT về kết quả đợt phát hành.	
1.9	Báo cáo về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành	Văn bản Dữ liệu điện tử	Nếu huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 6 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán hoặc ngày kết thúc đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền huy động được, TCT báo cáo UBCKNN và CBTT trên website về tiến độ sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán theo mẫu trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên. Nếu thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục			- Về báo cáo sử dụng vốn: + Chào bán chứng khoán riêng lẻ: TCT công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại ĐHĐCĐ hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong BCTC năm được kiểm toán xác nhận. + Chào bán chứng khoán ra công chúng: Nếu huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 6 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán hoặc ngày kết thúc đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền huy động được, TCT báo cáo UBCKNN và CBTT trên website về tiến độ sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán theo mẫu trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên. Nếu thay đổi các nội dung tại phương án sử dụng vốn, mục đích sử dụng vốn, TCT báo cáo UBCKNN và CBTT nội dung thay đổi theo mẫu trên website TCT trong thời hạn 24 giờ kể từ thời	

STT	Loại thông tin công bố	Hình thức	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu	Nội dung chi tiết	Bộ phận phụ trách
			đích sử dụng vốn, TCT báo cáo UBCKNN và CBTT nội dung thay đổi theo mẫu trên website TCT trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm có quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại ĐHĐCĐ gần nhất.			điểm có quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT. Mọi thay đổi phải được báo cáo lại tại ĐHĐCĐ gần nhất. TCT công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại ĐHĐCĐ hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong BCTC năm được kiểm toán xác nhận (trừ chào bán cổ phiếu để hoán đổi các khoản nợ hoặc hoán đổi cổ phần, phần vốn góp).	
2	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Văn bản		Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK; VSDC		CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của TCT, SGDCK, VSDC và hệ thống CBTT của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	Ban QHCD
3	Giao dịch mua lại cổ phiếu của chính TCT, bán cổ phiếu quỹ	Văn bản	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK; VSDC		Trường hợp TCT mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì TCT phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT.	Ban QHCD

V. Công bố thông tin của các đối tượng khác

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu	Ghi chú	Bộ phận phụ trách
A	CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ					Ban QHCD
1	Thực hiện giao dịch khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác)	Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu 3 ngày làm việc	Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK	Phụ lục XIII hoặc XIV Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020	<p>- Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK, trừ trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai nhưng phải thực hiện theo quy định pháp luật.</p> <p>- Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký,</p>	<p>HDQT Ủy ban kiểm toán Ban TGD</p> <p>Người được ủy quyền CBTT, Thư ký TCT, Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Các chức danh quản lý tương đương do ĐHĐCĐ hoặc HDQT bổ nhiệm</p> <p>Cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh TCT ký kết giao dịch của TCT theo quy định tại Điều lệ TCT</p> <p>Kế toán trưởng</p> <p>Người có liên quan của những</p>

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu	Ghi chú	Bộ phận phụ trách
					<p>giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký.</p> <p>- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của TCT hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai.</p>	thành viên trên đây
2	Người nội bộ và người có liên quan công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK	Phụ lục XV hoặc XVI Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020	<p>- Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.</p> <p>- Sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của TCT hoặc người có liên quan, thì vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định 1, 2 phần này.</p> <p>- Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của TCT (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của TCT phải thực hiện nghĩa vụ CBTT như quy định 1, 2 phần này.</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến các giao dịch này, TCT công bố trên website TCT.</p>	<p>HĐQT Ủy ban kiểm toán Ban TGD</p> <p>Người được ủy quyền CBTT, Thư ký TCT, Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Các chức danh quản lý tương đương do ĐHCĐ hoặc HĐQT bổ nhiệm</p> <p>Cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh TCT ký kết giao dịch của TCT theo quy</p>

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu	Ghi chú	Bộ phận phụ trách
						<p>định tại Điều lệ TCT</p> <p>Kế toán trưởng</p> <p>Người có liên quan của những thành viên trên đây</p>
3	Công ty chứng khoán là người có liên quan của Người nội bộ của TCT phải thực hiện báo cáo khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu của TCT	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi (ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán)	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK			<p>HĐQT</p> <p>Ủy ban kiểm toán</p> <p>Ban TGD</p> <p>Người được ủy quyền CBTT, Thư ký TCT, Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>Các chức danh quản lý tương đương do ĐHĐCĐ hoặc HĐQT bổ nhiệm</p> <p>Cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh TCT ký kết giao dịch của TCT theo quy định tại Điều lệ</p>

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu	Ghi chú	Bộ phận phụ trách
						TCT Kế toán trưởng Người có liên quan của những thành viên trên đây

Nếu người nội bộ hoặc người có liên quan đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với Người nội bộ hoặc Người có liên quan

B	CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH CHÀO MUA CÔNG KHAI					Ban QHCD
1	Công bố Bản thông báo chào mua công khai, Bản CBTT chào mua công khai (trường hợp chào mua công khai thanh toán bằng tiền), Bản cáo bạch (trường hợp chào mua công khai bằng cổ phiếu phát hành)	Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày UBCKNN thông báo nhận được đầy đủ tài liệu đăng ký chào mua công khai hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký phát hành (trường hợp chào mua công khai bằng cổ	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK	Phụ lục 20 Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020	Việc chào mua công khai chỉ được thực hiện sau tối thiểu 03 ngày kể từ ngày TCT công bố thông tin	

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu	Ghi chú	Bộ phận phụ trách
		phiếu phát hành)				
2	Thông báo cho UBCKNN, đồng thời CBTT về việc tiếp tục chào mua công khai	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cuối cùng nhận đăng ký bán, hoán đổi, tổ chức, cá nhân thuộc trường hợp tiếp tục phải chào mua công khai theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 Luật chứng khoán	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK			
3	TCT chào mua công khai gửi báo cáo kết quả giao dịch chào mua công khai và CBTT	Sau 05 ngày, kể từ ngày kết thúc đợt chào mua	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK	Phụ lục 33 Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020		
4	- TCT là công ty mục tiêu thực hiện CBTT về việc	Trong vòng 03 ngày làm	Website TCT		- Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua, HĐQT công ty mục	

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu	Ghi chú	Bộ phận phụ trách
	chào mua công khai - HĐQT TCT (nếu TCT là công ty mục tiêu) thực hiện CBTT cho cổ đông về đánh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai	việc kê từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai	Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK		tiêu phải gửi UBCKNN và thông tin cho cổ đông hoặc nhà đầu tư biết ý kiến của công ty mục tiêu. - Ý kiến của HĐQT công ty mục tiêu phải được thể hiện bằng văn bản, có chữ ký của đa số thành viên HĐQT và nêu rõ đánh giá của HĐQT với việc chào mua cổ phiếu. Nếu có ý kiến thành viên HĐQT khác với đánh giá của HĐQT, các bên có liên quan phải công bố kèm theo ý kiến này.	
5	Khi chào mua công khai chứng khoán đang niêm yết, TCT phải thực hiện CBTT về giao dịch chào mua công khai	Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của UBCKNN, TCT công bố công khai việc chào mua	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK 1 báo điện tử hoặc báo viết 3 số liên tiếp			
6	TCT chào mua công khai chứng khoán đang niêm yết CBTT việc điều chỉnh tăng giá chào mua công khai	Trong ít nhất 07 ngày trước khi kết thúc đợt chào mua	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK		TCT đảm bảo giá tăng thêm được áp dụng đối với tất cả các cổ đông của công ty mục tiêu kể cả các cổ đông hoặc nhà đầu tư đã chấp nhận bán cho bên chào mua	

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu	Ghi chú	Bộ phận phụ trách
7	<ul style="list-style-type: none"> - TCT thực hiện CBTT khi rút lại đề nghị chào mua công khai chứng khoán đang niêm yết - Báo cáo UBCKNN và SGDCK - CBTT SGDCK 	Trong vòng 24 giờ sau khi nhận được công văn chấp thuận hoặc không chấp thuận của UBCKNN	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK 1 báo điện tử hoặc báo viết 3 số liên tiếp		Sau khi được UBCKNN chấp thuận	
8	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty chào mua công khai chứng khoán đang niêm yết CBTT việc tiếp tục chào mua công khai - Gửi thông báo UBCKNN - Gửi thông tin công bố SGDCK 	Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt chào mua công khai	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK		Ngoại trừ trường hợp việc chào mua đã được thực hiện đối với toàn bộ số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành, sau khi thực hiện chào mua công khai, công ty chào mua nắm giữ 80% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng phải mua tiếp số cổ phiếu còn lại trong thời gian 30 ngày theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán với các điều kiện về giá và phương thức thanh toán tương tự với đợt chào mua công khai	
9	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty chào mua công khai chứng khoán đang niêm yết CBTT về kết quả chào mua công khai chứng khoán đang niêm yết - Báo cáo UBCKNN và SGDCK kết quả chào mua 	Trong 05 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào mua công khai	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK	Phụ lục 33 Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020		

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu	Ghi chú	Bộ phận phụ trách
	công khai - CBTT kết quả chào mua công khai trên website SGDCK					
C	CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN SỞ HỮU 5% TRỞ LÊN					
1	Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của TCT phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho TCT	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK	Phụ lục VII Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020	- Không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do TCT mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc TCT phát hành thêm cổ phiếu. - Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán: + Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch nếu giao dịch thực hiện qua SGDCK + Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại VSDC nếu giao dịch không thực hiện qua SGDCK - TCT công bố trên website TCT trong 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của các đối tượng được quy định.	Cổ đông lớn Nhóm người có liên quan
2	Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết	Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày có sự	Website TCT Phương tiện	Phụ lục VIII Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày	- Không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do TCT mua lại cổ phiếu của	Cổ đông lớn Nhóm người có liên quan

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Mẫu	Ghi chú	Bộ phận phụ trách
	của TCT khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo	thay đổi	CBTT của UBCKNN; SGDCK	16/11/2020	chính mình hoặc TCT phát hành thêm cổ phiếu. - Thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán: + Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch nếu giao dịch thực hiện qua SGDCK + Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại VSDC nếu giao dịch không thực hiện qua SGDCK - TCT công bố trên website TCT trong 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định	
3	Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của TCT thực hiện CBTT căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ		Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK	Phụ lục IX và X Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020		Ban QHCD
4	TCT CBTT sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng trên	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo	Website TCT			Ban QHCD

VI. Công bố thông tin của trái phiếu niêm yết

VI.1. Công bố thông tin định kỳ: Xem mục I Chương II Quy chế này.

STT	Loại thông tin công bố	Hình thức	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Nội dung chi tiết	Bộ phận phụ trách
1	CBTT về việc niêm yết trái phiếu tại SGDCK	Văn bản Dữ liệu điện tử	Trong 07 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận niêm yết	Báo cáo phạm vi phát hành trên toàn quốc Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK	- CBTT về việc niêm yết 03 kỳ liên tiếp trên báo: Bản CBTT về việc niêm yết trái phiếu tại SGDCK - CBTT trên website: + Quyết định của SGDCK về việc niêm yết trái phiếu + Bản CBTT về việc niêm yết trái phiếu tại SGDCK + Bản cáo bạch niêm yết trái phiếu và các tài liệu liên quan (nếu có)	Ban QHCD

VI.2. Công bố thông tin bất thường: Xem mục II Chương II Quy chế này.

STT	Loại thông tin công bố	Thời gian CBTT	Phương tiện CBTT	Ghi chú	Bộ phận phụ trách
1	Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, tổ chức phát hành phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện CBTT về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi	Tối thiểu 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu	Website TCT Phương tiện CBTT của UBCKNN; SGDCK		Ban QHCD

VI.3. Công bố thông tin theo yêu cầu: Xem mục III Chương II Quy chế này.

CHƯƠNG III

CÔNG TÁC XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ THÔNG TIN CÔNG BỐ TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Điều 8: Trách nhiệm của Bộ phận chuyên trách chuẩn bị cho việc công bố thông tin của Tổng công ty

1. “Ban quan hệ cổ đông” thuộc Phòng Tổ chức lao động là bộ phận chuyên trách chuẩn bị nội dung cho Người đại diện theo pháp luật hoặc người được Người đại diện theo pháp luật ủy quyền thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Ban quan hệ cổ đông trong phạm vi chức năng của mình, chịu trách nhiệm đôn đốc các Phòng, Ban chức năng cung cấp các thông tin cần công bố theo quy định của pháp luật theo nội dung Quy chế này.

2. Chức năng và nhiệm vụ của người được ủy quyền công bố thông tin:

Người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Tổng công ty theo quy định tại Quy chế này:

a) Trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng, mẫn cán, có kiến thức về tài chính và kỹ năng tin học;

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;

c) Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị công ty theo quy định;

d) Chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Tổng công ty với UBCKNN và SGDCK, nhà đầu tư và những người có quyền lợi liên quan theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

e) Chịu trách nhiệm xây dựng Báo cáo thường niên hàng năm của Tổng công ty để thực hiện công bố thông tin theo quy định.

Trường hợp sau khi thực hiện công bố thông tin, Tổng công ty nhận được các ý kiến phản hồi về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin công bố, người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và bổ sung, sửa đổi (nếu có) các thông tin đó trong vòng 48 giờ, kể từ khi nhận được ý kiến phản hồi. Thực hiện công bố bổ sung/đính chính các thông tin theo quy định.

Điều 9: Trách nhiệm, quan hệ giữa các Phòng, Ban trong việc cung cấp và xử lý thông tin cần công bố

1. Ngay khi phát sinh các thông tin cần công bố, Trưởng các Phòng, Ban chức năng và các bộ phận khác có liên quan của Tổng công ty phải thông báo chi tiết về các thông tin phát sinh cho “Ban quan hệ cổ đông” để bộ phận này

chuẩn bị các nội dung cần thiết trước khi trình Người đại diện theo pháp luật phê duyệt và công bố chính thức.

Trưởng các Phòng/Ban chức năng chịu trách nhiệm về tính chính xác và kịp thời của các thông tin cung cấp cho bộ phận chuyên trách.

2. Đối với các nội dung công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu, Trưởng các Phòng/Ban chức năng (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin và chuyển tới Ban quan hệ cổ đông trong vòng mười hai (12) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.

3. Ban quan hệ cổ đông tổng hợp các thông tin, báo cáo người được ủy quyền, trình Người đại diện theo pháp luật phê duyệt: Nội dung thông tin cần công bố, thời gian, phương tiện, phân công nhiệm vụ trước khi thực hiện công bố các thông tin theo quy định.

4. Sau khi có văn bản công bố thông tin đã được Người đại diện theo pháp luật phê duyệt, người được ủy quyền công bố thông tin gửi văn bản công bố thông tin theo đúng nội dung và thời gian đối với từng loại thông tin cần được công bố, phù hợp với quy định tại Luật Chứng khoán và Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.

Các thông tin công bố phải được gửi cho UBCKNN, SGDCK đồng thời công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Tổng công ty, được quy định cụ thể tại các điều khoản có liên quan của Quy chế này.

5. Người được ủy quyền công bố thông tin phải có trách nhiệm giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Người đại diện theo pháp luật kết quả thực hiện.

Điều 10: Bảo quản và lưu trữ thông tin

1. Thông tin công bố, do Ban quan hệ cổ đông là bộ phận quản lý trực tiếp, được bảo quản và lưu trữ tại Tổng công ty dưới dạng văn bản và file dữ liệu.

2. Thời hạn lưu trữ thông tin: theo quy định của pháp luật, trong đó Báo cáo tài chính năm, báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo thường niên được bảo quản và lưu giữ ít nhất trong vòng mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của Tổng công ty. Đối với các thông tin khác, thời hạn lưu trữ quy định cụ thể tại từng phần trong Chương II Quy chế này.

Điều 11: Yêu cầu cải chính thông tin

1. Tổng công ty có quyền yêu cầu cải chính thông tin đối với bất kỳ cá nhân, tổ chức nào phát ngôn, đăng tải, sử dụng thông tin không đúng sự thực hoặc sai lệch về Tổng công ty.

2. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là người có quyền yêu cầu cá nhân, tổ chức liên quan cải chính thông tin.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12: Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh nhu cầu sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp với hoạt động của Tổng công ty và/hoặc phù hợp với các thay đổi của các quy định pháp luật có liên quan đến việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán thì “Ban quan hệ cổ đông” có trách nhiệm nghiên cứu, đề xuất Ban Tổng giám đốc để Ban Tổng giám đốc trình HĐQT xem xét, quyết định.

Quyết định sửa đổi, bổ sung các nội dung có liên quan trong Quy chế này sẽ có hiệu lực thi hành sau khi được sự chấp thuận của đa số thành viên HĐQT.

Ban quan hệ cổ đông có trách nhiệm công bố các nội dung của Quy chế được sửa đổi, bổ sung trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày các nội dung này được HĐQT chính thức chấp thuận.

Điều 13: Tổ chức thực hiện và xử lý vi phạm

1. Tổng công ty công bố Quy chế công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và SGDCK trước khi thực hiện.

2. Quy chế công bố thông tin được phổ biến đến toàn bộ các Phòng, Ban và cán bộ nhân viên của Tổng công ty.

3. Các Phòng, Ban, Đơn vị, cá nhân thuộc Tổng công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Tổng công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 14: Hiệu lực thi hành

1. Quy chế công bố thông tin này được các thành viên HĐQT Tổng công ty 36-CTCP chính thức thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/06/2022.

2. Quy chế này được công bố trên Website TCT: www.36corp.com

3. Các thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán, Ban điều hành, các cơ quan Tổng công ty, các đơn vị thành viên và các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.



Nguyễn Đăng Giáp

SƠ ĐỒ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔNG CÔNG TY

